TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HS-ST
Ngày: 13- 5 - 2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên

2. Ông Nguyễn Đức Bường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2026/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST-HS ngày 29/4/2026, đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/9/1993; Căn cước công dân số 034093007576; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và con bà Lê Thị H (đã chết); Vợ: chị Nguyễn Thị T; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không:

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú*, có mặt tại phiên tòa.*

2. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Đặng Thị P, sinh năm 1999,

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

2.2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

2.3. Anh Đoàn Chí V, sinh năm 1997

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

2.4. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình

2.5. Chị Định Thị T2, sinh năm 1994

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Chị T2, chị P, anh V, anh M và anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2024 đến tháng 01/2026, bị cáo Đ đã cho 05 người vay tiền với 11 khoản vay với tổng số tiền cho vay là 126.000.000 đồng. Mức lãi suất theo thỏa thuận từ 8,67%/tháng đến 12,73%/tháng, tương đương từ 104 đến 152,7%/năm, cao gấp từ 5,2 đến 7,63 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm). Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận là 75.096.569 đồng, thu lợi bất chính là 62.981.640 đồng. Các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 30/06/2024, bị cáo cho chị P vay 11.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi là 1.400.000 đồng/tháng, tương đương 12,73%/tháng, 152,7%/năm, cao gấp 7,63 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Ngày 30/09/2024 chị P trả cho bị cáo 1.000.000 đồng nợ gốc và 03 tháng tiền lãi là 4.200.000 đồng. Số tiền lãi theo thoả thuận là 4.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 550.000 đồng, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 3.650.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc còn lại, bị cáo và chị P thoả thuận lãi là 900.000 đồng/tháng, tương đương 09%/tháng, 108%/năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 30/09/2024 đến 23/01/2026 là 15 tháng 23 ngày, chị P đã thanh toán cho bị cáo 11.700.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 14.190.000 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 2.627.777 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 11.562.223 đồng. Chị P đã trả tiền nợ gốc cho bị cáo.

- Ngày 25/03/2025, bị cáo cho anh V vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 9%/tháng, 108%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ ngày 25/03/2025 đến ngày

23/01/2026 là 09 tháng 28 ngày, anh V đã trả cho bị cáo là 3.450.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 8.940.000 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 1.655.555 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 7.284.445 đồng. Tiền gốc anh V đã trả cho bị cáo.

- Ngày 15/04/2025, bị cáo cho anh V vay 9.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ ngày 15/4/2025 đến ngày 23/01/2026 là 09 tháng 28 ngày, anh V đã trả cho bị cáo 2.550.000đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 8.340.000 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 1.390.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 6.950.000 đồng. Tiền gốc anh V đã trả cho bị cáo.

- Ngày 24/04/2025, bị cáo cho anh T1 vay 18.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 2.200.000 đồng/tháng, tương đương 12,22%/tháng, 146,6%/năm, cao gấp 7,33 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 24/04/2025 đến 24/10/2025 là 06 tháng, anh T1 đã trả cho bị cáo 8.800.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 13.200.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.800.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.400.000 đồng. Tiền gốc anh T1 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 26/09/2025, bị cáo cho anh M vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 2.000.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 26/09/2025 đến 24/10/2025 là 28 ngày, anh M đã trả cho bị cáo 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 1.866.648 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 311.111 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 1.688.889 đồng. Tiền gốc anh M đã trả cho bị cáo.

- Ngày 03/03/2025, bị cáo cho chị T2 vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 1.400.000 đồng/tháng, tương đương 9,33%/tháng, 111,96%/năm, cao gấp 5,59 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 03/03/2025 đến 22/04/2025 là 01 tháng 19 ngày, chị T2 đã trả cho bị cáo 2.300.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 2.286.634 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 408.333 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 1.891.667 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 28/03/2025, bị cáo cho chị T2 vay 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 800.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 28/03/2025 đến

22/04/2025 là 24 ngày, chị T2 đã trả cho bị cáo 800.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 639.984 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 106.666 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 693.334 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 22/4/2025, bị cáo cho chị T2 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 1.000.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 22/04/2025 đến 08/09/2025 là 04 tháng 16 ngày, chị T2 đã trả cho bị cáo 2.600.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 4.533.328 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 755.555 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 3.777.773 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 03/05/2025, bị cáo cho chị T2 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 1.000.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 03/05/2025 đến 23/01/2026 là 08 tháng 20 ngày, chị T2 đã trả cho bị cáo 6.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 8.666.660 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 1.444.444 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 7.222.216 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 12/07/2025, bị cáo cho chị T2 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 1.000.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 12/07/2025 đến 23/01/2026 là 06 tháng 11 ngày, chị T2 đã trả cho bị cáo 2.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 6.366.663 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 1.061.111 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 5.305.552 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

- Ngày 01/10/2025, bị cáo cho chị T2 vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 500.000 đồng/tháng, tương đương 10%/tháng, 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự. Từ 01/10/2025 đến 23/01/2026 là 03 tháng 22 ngày, chị T2 chưa thanh toán tiền lãi cho bị cáo. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 1.866.652 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 311.111 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 1.555.541 đồng. Tiền gốc chị T2 đã trả cho bị cáo.

Quá trình điều tra vụ án xác định, ngoài những lần cho vay trên, Đ còn cho anh Đoàn Chí V và chị Đinh Thị T3 vay 03 khoản vay nữa cụ thể là:

Ngày 02/12/2023, bị cáo cho chị T3 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 9%/tháng, 108%/năm, cao gấp 5,4 lần

mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 02/12/2023 đến 29/11/2024 là 11 tháng 27 ngày, chị T3 đã trả cho bị cáo 9.700.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 10.710.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.983.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.726.667 đồng. Tiền gốc chị T3 đã trả cho bị cáo.

Ngày 22/12/2023, bị cáo cho anh V vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 450.000 đồng/tháng, tương đương 9%/tháng, 108%/năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 22/12/2023 đến 03/08/2024 là 07 tháng 11 ngày, anh V đã trả cho bị cáo 3.150.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 3.315.000; số tiền lãi hợp pháp là 613.888 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 2.725.556 đồng. Tiền gốc anh V đã trả cho bị cáo.

Ngày 06/04/2024, bị cáo cho anh V vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi là 1.300.000 đồng/tháng, tương đương 8,67%/tháng, 104%/năm, cao gấp 5,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Từ 06/04/2024 đến 16/07/2024 là 03 tháng 10 ngày, anh V đã trả cho bị cáo 3.900.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi theo thỏa thuận là 4.333.330 đồng; số tiền lãi hợp pháp là 833.333 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 3.499.997 đồng. Tiền gốc anh V đã trả cho bị cáo.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9C vỏ màu đen có dung lượng 64GB, IMEI 1: 865233052463; IMEI2: 865233052463412 đã qua sử dụng, được lắp thẻ sim số 0389340783, đã chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Hưng Yên để quản lý theo quy định.

Cáo trạng số 22/CT-VKSKX ngày 31/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 60 triệu đến 70 triệu nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

3.1. Buộc bị cáo Đ phải nộp số tiền 126.000.000đồng tiền gốc những người vay đã trả cho bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Đ phải nộp số tiền 12.421.663đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay để nộp ngân sách nhà nước.

3.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước.01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9C vỏ màu đen có dung lượng 64GB, IMEI 1: 865233052463.

3.4. Tịch thu tiêu thủy 01 thẻ sim số 0389340783.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo đã trả chị T3, chị P, anh T1, anh M và anh V tiễn thu lợi bất chính.

5. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên đã truy tố, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản, tài liệu do Công an xã Đ lập ngày 24/01/2026 tại trụ sở Công an xã Đ; Biên bản làm việc về việc kiểm tra điện thoại của Nguyễn Văn Đ do Công an xã Đ lập ngày 24/01/2026 tại trụ sở

Công an xã Đ; Các bản sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Đ mở tại Ngân hàng TMCP Q; Lời khai của những người liên quan là chị Đặng Thị P sinh năm 1999, anh Nguyễn Văn T1 sinh năm 2000 cùng trú tại thôn T, anh Đoàn Chí V sinh năm 1997 trú tại thôn T, cùng thuộc xã Đ, tỉnh Hưng Yên, chị Đinh Thị T3 sinh năm 1994 trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, anh Phạm Văn M sinh năm 1986 trú tại xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính, từ tháng 12/2023 đến tháng 01/2026, bị cáo Đ đã có hành vi cho 05 người là chị P, chị T3, anh T1, anh M và anh V vay tổng số tiền 126.000.000đồng với lãi suất của các khoản vay 8,67%/tháng đến 12,73%/tháng, tương đương từ 104%/năm đến 152,7%/năm, gấp từ 5,2 lần đến 7,63 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. 05 người vay đã phải trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 75.424.663đồng. Căn cứ vào mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm, bị cáo Đ chỉ được nhận tổng số tiền lãi là 12.421.663đồng. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu lợi bất chính là 62.981.640 đồng. Vì vậy, bị cáo Đ đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức rõ hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì muốn thu lời nhanh từ các khoản tiền cho vay nên vẫn cố ý cho người vay khác tiền với lãi suất tương đương từ 104% đến 152,7%/năm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng

cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã trả lại người vay tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế là 34.280.448đồng, những người này có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài hành vi phạm tội lần này thì bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

[5] Đối với 03 khoản vay ngày 02/12/2023, ngày 22/12/2023 và ngày 06/4/2024 người vay đã trả đủ tiền nợ gốc, lãi cho bị cáo, số tiền bị cáo thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng. Tính đến thời điểm phát hiện, các khoản vay trên đều đã kết thúc được hơn 1 năm nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó không còn căn cứ để xử lý đối với các khoản vay này.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 9C vỏ màu đen có dung lượng 64GB, IMEI 1: 865233052463 đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6.2] 01 thẻ sim số 0389340783 do không có giá trị sử dụng, không đề nghị nhận lại cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6.3] Số tiền gốc 126.000.000đồng mà những người vay đã trả cho bị cáo, đây là công cụ phạm tội và số tiền 12.421.663 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu để nộp ngân sách nhà nước, tổng là 138.421.663 đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/4/2026, bị cáo đã trả lại tiền thu lợi bất chính cho chị P, chị T3, anh M, anh T1 và anh V. Những người này không đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với những người trên.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 60.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 126.000.000 đồng tiền gốc những người vay đã trả cho bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 12.421.663 đồng tiền lãi mà bị cáo đã thu của những người vay để nộp ngân sách nhà nước.

3.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện hoại nhãn hiệu Redmi 9C vỏ màu đen có dung lượng 64GB, IMEI 1: 865233052463 đã qua sử dụng.

3.4. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0389.340.783.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- CQĐT CA tỉnh Hưng Yên;
- CQTHAHS CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THADS tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân